TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HS-ST.
Ngày: 28-03-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Bá Huynh

Bà Trần Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2019/TLST - HS ngày 04 tháng 03 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST - HS ngày 12/03/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Bá T, sinh ngày 20/07/1995; Nguyên quán: xã Tr, huyện Nc, tỉnh Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú và nơi ở xã Hs, huyện Ls, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá D và bà Tống Thị T1; Có vợ là Ngô Thị Qvà có 1 con sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000024 lập ngày 04/12/2018 tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và lý lịch cá nhân bị cáo T không có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2018, có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 và anh Nguyễn Thành H1, sinh năm 1993; Đều trú tại phường Đt, thị xã Đt, Quảng Ninh, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7/2016, anh Đinh Văn A, (sinh năm 1993; HKTT: Thanh Hóa) biết anh Nguyễn Thành H1 đang là chiến sĩ nghĩa vụ tại K20 – Bộ Công an có tham gia thi đại học nhưng làm bài không được tốt nên đã gọi điện hỏi thăm, biết anh H1 có mong muốn được công tác lâu dài trong lực lượng Công an nên anh A đã cho H1 số điện thoại của Nguyễn Bá T để H1 trao đổi nhờ T giúp chuyển biên chế từ nghĩa vụ sang chuyên nghiệp tại K20 – Bộ Công an.

Mặc dù không có chức năng, khả năng xin chuyển cho anh H1 từ Công an nghĩa vụ sang chuyên nghiệp tại K20 - Bộ Công an nhưng T vẫn nói dối về việc bản thân đang công tác tại V12 – Bộ Công an, có nhiều mối quan hệ có thể giúp được cho H1 chuyển biên chế sang chuyên nghiệp với chi phí là 350.000.000 đồng. Do tin tưởng nên ngày 21/7/2016, anh H1 cùng mẹ là bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1973; HKTT: Khu 3, phường Đt, thị xã Đt, Quảng Ninh) mang số tiền 200.000.000 đồng đến phòng 204 – chung cư CT3B Nguyễn Cơ Thạch (nơi T thuê trọ) giao cho T. Mặc dù bà H chưa đưa đủ số tiền như đã thỏa thuận nhưng T vẫn viết giấy biên nhận đã nhận đủ số tiền là 350.000.000 đồng và ghi rõ bản thân đang công tác tại Cục V12 – Bộ Công an (thời điểm đó T đang là học viên tại Tr cấp Vũ trang). Đồng thời T ghi số tài khoản 3100205275992 của T tại ngân hàng Agribank chi nhánh Từ Liêm trên giấy biên nhận để bà H chuyển nốt số tiền còn lại 150.000.000 đồng. T hứa miệng trong năm 2016 sẽ lo được cho H1 chuyển từ chiến sĩ nghĩa vụ sang biên chế chính thức. Đến ngày 25/7/2016, bà H nhờ chồng là ông Nguyễn Nam Hồng (sinh năm 1966; HKTT : Khu 3, phường Đt, thị xã Đt, Quảng Ninh) chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản Agribank chi nhánh Từ Liêm cho T nhưng không nói cho ông Hồng biết nội dung chuyển tiền là để lo việc cho H1.

Ngày 28/2/2017, T vô T gặp anh H1 tại trụ sở K20 – Bộ Công an ở đường Nguyễn Khang, Cầu Giấy và biết H1 đã ra quân, được nhận 20.000.000 đồng tiền chế độ nên T đã bảo anh H1 đưa cho T số tiền này để T làm thủ tục chuyển chuyên nghiệp cho nhanh và hứa hẹn trong tháng 6/2017 sẽ xong việc. Anh H1 tin tưởng nên đã giao hết số tiền trên cho T và không yêu cầu T viết giấy tờ.

Ngày 09/09/2016, do T nói xin việc khó khăn nên bà H tiếp tục nhờ ông Hồng chuyển tiếp số tiền 50.000.000 đồng; ngày 09/12/2016 chuyển 100.000.000 đồng; ngày 11/4/2017 chuyển 120.000.000 đồng và ngày 17/4/2017 chuyển

30.000.000 đồng vào tài khoản số 1507205664466 ngân hàng Agribank chi nhánh Cầu Giấy cho T để nhờ T lo xin việc cho H1. Tổng số tiền T nhận của bà H là 570.000.000 đồng. Quá thời hạn, T không xin chuyển chuyên nghiệp được cho anh H1 như đã hứa, anh H1 và bà H liên lạc với T nhiều lần, T hẹn sẽ trả tiền nhưng không trả, do không liên lạc được với T, bà H và anh H1 tìm hiểu thì biết T từng công tác tại Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động số 1 – K20 – Bộ Công an (không phải công tác tại Cục V20 – Bộ Công an như đã viết trong giấy biên nhận) và T đã ra quân vào ngày 16/08/2017 nên ngày 24/05/2018 anh H1 đã gửi đơn tố cáo T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đề nghị giải quyết và yêu cầu T hoàn trả toàn bộ số tiền 570.000.000 đồng đã nhận.

Ngày 12/06/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của T tại giấy biên nhận tiền đề ngày 21/7/2016 (ký hiệu A) với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Bá T trong thời gian công tác tại Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động số 1 – K20 – Bộ Công an (ký hiệu M1, M2). Tại bản Kết luận giám định số 3223/C54-P5 ngày 31/7/2018 Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Bá T trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Bá T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Bá T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Riêng đối với số tiền T đã nhận của bà H là 570.000.000 đồng, T khai có 370.000.000 đồng là tiền T nhận để xin chuyển chuyên nghiệp cho anh H1, số tiền còn lại 200.000.000 đồng là tiền T vay mượn cá nhân của bà H để đầu tư làm bãi rửa xe ô tô, không liên quan đến tiền xin chuyển chuyên nghiệp cho H1. Ngày 30/11/2018, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bà H và T để làm rõ số tiền 200.000.000 đồng nhưng T vẫn giữ nguyên lời khai là khoản tiền vay của bà H, không liên quan đến tiền xin việc cho H1. Ngoài lời khai, bà H không cung cấp được tài liệu nào khác chứng minh việc chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng cho T là để xin chuyển chuyên nghiệp cho anh H1 nên cơ quan điều tra không đủ cơ sở để kết luận T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền 200.000.000 đồng nêu trên.

Ngày 26/6/2018, T đã chuyển khoản trả số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng BIDV của anh Nguyễn Thành H1 và ngày 30/11/2018, chị Ngô Thị Q(là vợ T) đã trả cho bà H 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Bản cáo trạng số 69/CT-VKSNTL ngày 14/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Nguyễn Bá T về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Bá T khai nhận T không có chức năng, khả năng xin chuyển từ Công an nghĩa vụ sang chuyên nghiệp tại K20 - Bộ Công an nhưng với mục đích chiếm đoạt tiền của anh H1 và bà H nên T đã nói dối về việc mình đang công tác tại V12 – Bộ Công an, có nhiều mối quan hệ có thể giúp anh Nguyễn Thành H1 chuyển biên chế sang chuyên nghiệp tại K20 – Bộ Công an. T đã lừa đảo để chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H và 20.000.000 đồng của anh Nguyễn Thành H1. Tổng cộng là 370.000.000 đồng để sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân. Sau khi bị tố giác, T đã khắc phục trả anh H1 50.000.000 đồng và trong quá trình điều tra, gia đình T đã trả lại 200.000.000 triệu đồng cho bà H. Ngoài số tiền 370.000.000 đồng T đã lừa đảo chiếm đoạt T còn xác định vay bà H số tiền 200.000.000 đồng, việc bà H xác định T lừa đảo chiếm đoạt số tiền này là không đúng đề nghị Tòa xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 68/CT-VKSNTL ngày 14/02/2019 và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; Điều 33; khoản 1 Điều 42; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử bị cáo Nguyễn Bá T từ 9 đến 10 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo T bồi thường trả lại bà H và anh H1 số tiền 120.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng bà H yêu cầu T bồi thường trong vụ án này không có căn cứ giải quyết, đây là việc vay nợ dân sự nên tách ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu bà H có yêu cầu.

Lời nói sau cùng bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các biên bản, tài liệu khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Với mục đích chiếm đoạt tiền, mặc dù không có khả năng xin chuyển từ Công an nghĩa vụ sang chuyên nghiệp tại K20 - Bộ Công an nhưng Ngô Bá T đã nói dối bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thành H1 là con bà H là T có thể xin chuyển từ Công an nghĩa vụ sang chuyên nghiệp tại K20 - Bộ Công an cho anh Nguyễn Thành H1 để chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của bà H vào thời gian tháng 7/2016 tại phòng 204 chung cư CT3B Nguyễn Cơ Thạch, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của anh H1 vào thời gian tháng 2/2017 tại đường Nguyễn Khang, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tổng số tiền T chiếm đoạt của bà H và anh H1 là 370.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền T đã sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân hết. Hành vi của bị cáo Nguyễn Bá T đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Do hành vi phạm tội của bị cáo T thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nên căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 khi xét xử bị cáo. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố bị cáo T với tội danh, điều luật theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Bá T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Mặc dù chỉ công tác tại Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động số 1-K20- Bộ Công An, không có chức năng tuyển dụng nhưng T nói dối là công tác tại V12-Cục đối ngoại Bộ Công an có nhiều quan hệ có khả năng xin chuyển sang biên chế chuyên nghiệp cho anh H1 để lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H và anh H1 chi tiêu cá nhân sau đó bỏ trốn bất chấp pháp luật đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội

[4] Khi lượng hình phạt xét nhân thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, sau khi bị truy nã đã ra đầu thú và khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, T và gia đình cũng đã tự nguyện khắc phục được một phần hậu quả, trả cho bà H và anh H1 số tiền 250.000.000 đồng để cho bị cáo được hưởng T tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 bị cáo T còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung, tuy nhiên bị cáo là đối tượng không nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn còn phải bồi thường một khoản tiền cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng truy tố chỉ có đủ căn cứ xác định bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 370.000.000 đồng của mẹ con bà H, anh H1. T đã khắc phục hậu quả, trả cho bà H và anh H1 số tiền 250.000.000 đồng, số tiền còn lại 120.000.000 đồng cần buộc T bồi thường trả cho bà H và anh H1 theo quy định tại khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bà H còn xác định T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng nhưng không có căn cứ, bị cáo T xác định đây là khoản tiền T vay nợ bà H. Hội đồng xét xử xét đây là quan hệ vay mượn dân sự giữa T với bà H không liên quan đến vụ án này nên cần tách phần yêu cầu đòi số tiền 200.000.000 đồng của bà H ra giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác khi bà H có yêu cầu.

[7] Về thi hành án dân sự: Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án dân sự. Hội đồng xét xử xác nhận người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại các Điều 2,6,7,9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản khoản 2 Điều 305, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo T phải nộp theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[9] Về kháng cáo: Bị cáo T và những người bị hại trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; Điều 33; khoản 1 Điều 42; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt Nguyễn Bá T 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/11/2018.

Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Bá T phải bồi thường trả cho bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1973) và anh Nguyễn Thành H1 (sinh năm1993) đều trú tại Khu 3, phường Đt, thị xã Đt, Quảng Ninh số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Tách phần yêu cầu đòi Nguyễn Bá T trả số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị H ra giải quyết bằng vụ án kiện dân sự khác khi bà Nguyễn Thị H có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Bá T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thành H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận :
- Bị cáo;
- Người bị hại
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TPHN;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Trung Lập